

Bản án số: **297/2024/HC-PT**

Ngày: 29/7/2024

V/v “*Khiếu kiện các quyết định
hành chính trong trường hợp thu
hồi đất, bồi thường, hỗ trợ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**

 ông **Đinh Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 80/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2024 về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong trường hợp thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC- ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1255/2024/QĐPT-HC ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Trần Văn N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: bà Trần Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: D hẻm A đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ: số D L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lưu Thành N1, Phó chủ tịch UBND thành phố N; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông Nguyễn Duy T1, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố N; bà Nguyễn Diệu H, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; ông Nguyễn Khánh H1, nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố N; bà Nguyễn Thị H2, nhân viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; ông H1 và bà H2 có mặt, ông T1 và bà H vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần V;

Địa chỉ: tổ A B, khóm Đ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: phòng B Tòa nhà O, Mường Thanh Viễn T2, số C đường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Trần Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07/9/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2023 và quá trình tố tụng, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 2002, ông Trần Văn N có nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Bùi Quang P, bà Lương Thị Ngọc Y diện tích đất khoảng 100m² và tài sản trên đất là căn nhà cấp IV diện tích khoảng 42m², tọa lạc tại: B, Đường Đ, phường V, thành phố N theo Giấy sang nhượng quyền sử dụng nhà đất lập ngày 18/4/2002 với số tiền là 70.000.000 đồng. Sau khi thanh toán đủ tiền cho ông P, bà Y thì ông N nhận bàn giao nhà, đất và trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định từ năm 2002 cho đến nay.

Năm 2016, UBND thành phố N có chủ trương thu hồi toàn bộ diện tích đất tại khu vực B để giao cho Công ty tư nhân nhằm xây dựng dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp “C Resort & S”. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay qua nhiều lần điều chỉnh thời gian dự án vẫn chưa được triển khai.

Năm 2018, UBND thành phố N thuê đơn vị đo đạc là Công ty TNHH D tiến hành đo đạc toàn bộ diện tích đất mà ông N đang sử dụng, diện tích đất của ông N thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích: 109,8m².

Tháng 7/2022, ông N nhận được Quyết định thu hồi đất số: 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc thu hồi diện tích đất 109,8m² của ông N để giao cho Công ty cổ phần V thực hiện dự án “C Resort & Spa” và Quyết định số: 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông N chỉ với số tiền 64.819.095 đồng theo đơn giá Nhà nước bao gồm cả đất và tài sản trên đất. Ngoài ra, không được hỗ trợ thêm bất kỳ khoản kinh phí nào khác.

Xét thấy, việc UBND thành phố N thu hồi đất của gia đình ông N để giao cho Công ty cổ phần V là chủ đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp chỉ

nhằm mục đích kinh doanh, thương mại cho tư nhân. Không thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

UBND thành phố N áp dụng đơn giá Nhà nước để làm căn cứ tính toán, lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông N với số tiền chỉ 64.819.095 đồng theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND đề ngày 30/6/2022 là không đúng quy định pháp luật.

Do đây không thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Nên Nhà nước không thể tính theo đơn giá, bảng giá Nhà nước để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư là Công ty cổ phần V muốn có đất để thực hiện dự án thì phải đàm phán, thỏa thuận giá với người sử dụng đất theo quy định của Bộ luật dân sự thì mới đúng pháp luật và thỏa đáng.

Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố N được ban hành dựa trên Quyết định thu hồi đất trái pháp luật số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N mà ông N đang khiếu kiện. Trong khi chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án về giải quyết vụ án và xem xét tính hợp pháp của Quyết định thu hồi đất là có đúng pháp luật hay không nhưng Chủ tịch UBND thành phố N lại ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật, khiến quyền lợi hợp pháp của người bị thu hồi đất bị thiệt hại nghiêm trọng.

Ông Trần Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên hủy:

- Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N để thực hiện dự án C Resort & S, phường V, thành phố N;

- Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N;

- Quyết định 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03) để thực hiện dự án C & S.

Tại văn bản số 2585/UBND-TNMT ngày 11/4/2023, Văn bản số 6355/UBND-TNMT ngày 07/8/2023 người bị kiện của Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày:

1. Về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N để thực hiện dự án C Resort & Spa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang:

Dự án C Resort & Spa đã được UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000389 ngày 16/4/2013 chứng nhận Công ty Cổ phần D1 thực hiện dự án đầu tư C tại khu đất liền ven biển B, phường V, thành phố N với diện tích khoảng 46ha; Mục tiêu: đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp (đạt tiêu chuẩn

5 sao) với vốn đầu tư khoảng 1.200 tỷ đồng; nguồn vốn: 100% vốn trong nước, từ nguồn vốn tự có của Doanh nghiệp và vốn huy động khác; thời hạn hoạt động: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo quy định của Luật đất đai 2003, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và hướng dẫn của Bộ T3 tại khoản 2 Mục X Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 quy định về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án khu dân cư, trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, cụ thể:

“Các dự án phát triển kinh tế trong khu đô thị hiện có gồm dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản, dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư, dự án xây dựng nhà ở công vụ, dự án xây dựng trung tâm thương mại, trung tâm H3; dự án xây dựng khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn từ hạng 3 sao trở lên.”

Như vậy, dự án C & S thuộc nhóm đối tượng Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, cụ thể:

“1. Trường hợp đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, giới thiệu địa điểm hoặc thông báo thu hồi đất gửi đến từng người có đất thu hồi hoặc văn bản cho phép chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng chưa có quyết định thu hồi đất thì xử lý như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất hoặc chủ đầu tư nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, nếu phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;”

Dự án C Resort & S được UBND tỉnh K cấp chủ trương đầu tư trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực. Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01/7/2014, UBND tỉnh K đã thống nhất cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất để thực hiện dự án, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014.

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh K thông qua Nghị quyết, UBND thành phố N đã cập nhật phần diện tích thu hồi vào Kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015 cho đến nay của thành phố N.

Ngày 06/01/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5488314111 cho Công ty Cổ phần K để thực hiện dự án C & S.

Ngày 24/02/2016, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 465/QĐ UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu nghỉ dưỡng C, phường V, thành phố N.

Ngày 27/10/2016, UBND thành phố N đã ban hành Thông báo số 826/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N.

Theo quy định tại khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về bổ sung khoản 3, 4 vào Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, cụ thể:

“3. Đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhưng không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013 mà đã lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp vào danh mục dự án cần thu hồi đất để trình Hội đồng nhân dân thông qua trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất.

Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật đất đai.” (Điều 69 Luật đất đai năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng)”.

Ngày 30/01/2019, UBND tỉnh K có Văn bản số 1064/UBND-XDND ngày 30/01/2019, nội dung: giao UBND thành phố N tiếp tục triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích còn lại của dự án C & Spa.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên, UBND thành phố N ban hành Thông báo số 826/TB-UBND Ngày 27/10/2016 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N là đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện dự án, hộ ông Trần Văn N đang sử dụng thửa đất số 45 tờ bản đồ số 03, địa chỉ: phường V, thành phố N có diện tích 109,8 m² do ông Trần Văn N kê khai đã được UBND phường V xác nhận tại Giấy xác nhận số 1591/XN-UBND ngày 10/11/2021 nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N.

Trước khi ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức niêm yết công khai, lấy ý kiến theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Như vậy, việc UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N đang sử dụng để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N là đúng theo trình tự, thẩm quyền.

Do đó, ông Trần Văn N yêu cầu hủy Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N đang sử dụng để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N là không có cơ sở.

2. Về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N:

Theo Giấy xác nhận số 1591/XN-UBND ngày 10/11/2021 của UBND phường V: Nguyên thửa đất của ông Bùi Quang P được UBND phường V cấp theo diện kinh tế năm 1987.

Năm 2001, ông Bùi Quang P kê khai Hồ sơ đền bù giải tỏa dự án Khu N-Khu B- V- TP N thửa đất số 203 với diện tích 3.016,7 m².

Ngày 18/4/2002 ông Bùi Quang P và bà Lương Thị Ngọc Y trích một phần chuyển nhượng cho ông Trần Văn N diện tích 100 m² (bằng giấy tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Diện tích thực tế đang sử dụng của ông Trần Văn N là 109,8 m² chênh lệch tăng 9,8m² so với giấy tặng cho là do chuyển nhượng áng chừng. Toàn bộ khuôn viên ranh giới thửa đất đã được xác định, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề. Ông Trần Văn N tiếp tục sử dụng đất từ đó cho đến nay không lấn, chiếm và không có tranh chấp, ổn định.

- Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị giải tỏa.
- Hộ gia đình không ăn ở thực tế tại vị trí giải tỏa.
- Thời điểm sử dụng đất: tiếp tục sử dụng từ ngày 18/4/2002 đến nay
- Thời điểm xây dựng công trình và vật kiến trúc khác trên đất: năm 2015 (không có giấy phép xây dựng).
- Loại đất: Đất trồng cây lâu năm; diện tích đất: 109,8 m².

Theo nội dung xác minh của UBND phường V, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã họp xét thông qua Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Văn N vào ngày 06/12/2021 và ngày 07/03/2022 và được niêm yết Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Thông báo số 72/TB-HĐBT ngày 06/04/2022.

Theo đó, UBND thành phố N phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thể như sau:

+ Về đất:

Trường hợp hộ ông Trần Văn N sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, loại đất: Đất trồng cây lâu năm, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định, không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất theo quy định; Do vậy không được bồi thường về đất theo khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điểm a Khoản 8 Điều 22 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh K sửa đổi bổ sung một số điều tại quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K.

Căn cứ Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng C, phường V, thành phố N và Công văn số 846/UBND-XDND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh K về việc chủ trương áp dụng giá cụ thể tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án đã phê duyệt giá đất cụ thể năm 2021 thuộc địa bàn thành phố N.

Trường hợp hộ ông Trần Văn N bị thu hồi toàn bộ diện tích thửa đất (109,8 m²), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc vị trí 5, do đó việc UBND thành phố hỗ trợ về đất: $420.000 \text{ đồng/m}^2 \times 90\% \times 109,8 \text{ m}^2 = 41.504.400 \text{ đồng}$ là phù hợp theo quy định.

+ Về tài sản gắn liền trên đất:

Thời điểm xây dựng công trình vật kiến trúc của hộ ông Trần Văn N: năm 2015 (không có giấy phép xây dựng). Do vậy, không được bồi thường theo khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013, chỉ được hỗ trợ theo Điểm 7, khoản 4, Điều 1, Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh K.

Về cây trồng: UBND thành phố N đã phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trồng của hộ ông Trần Văn N tại Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 21/9/2022.

Về chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tiền thuê nhà: Căn cứ Điều 83 Luật đất đai 2013, Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ ông Trần Văn N không trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không ăn ở sinh hoạt trên thửa đất này nên không đủ điều kiện hỗ trợ.

Về chính sách tái định cư: Trường hợp hộ ông Trần Văn N bị thu hồi toàn bộ diện tích đất (loại đất: đất trồng cây lâu năm), không được bồi thường về đất (do không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) và không ăn ở, sinh hoạt tại vị trí giải tỏa.

Căn cứ Điều 23, 24 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K quy định Chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và khoản 5 Điều I Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh K thì trường

hợp của hộ ông Trần Văn N không đủ điều kiện để bố trí tái định cư theo quy định khi nhà nước thu hồi đất.

Từ những nội dung nêu trên, Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Văn N đã được xét duyệt là có căn cứ pháp luật.

Như vậy, ông Trần Văn N yêu cầu hủy Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N là không có cơ sở.

3. Về yêu cầu hủy Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố N về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N:

Thực hiện các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với ông Trần Văn N, UBND phường V đã phối hợp với các Mặt trận, Đoàn thể phường, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, đại diện tổ dân phố, đại diện hộ dân, đại diện Công ty cổ phần V1 ông Trần Văn N nhận tiền và bàn giao mặt bằng nhưng đại diện hộ ông Trần văn N2 vẫn không chấp hành. Căn cứ điểm d, khoản 3, Điều 69 Luật đất đai, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N.

Ngày 24/5/2023, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất Dự án C & S đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của ông Trần Văn N và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thực hiện dự án.

Như vậy, ông Trần Văn N yêu cầu hủy Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố N về cưỡng chế thu hồi đất là không có cơ sở.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần V trình bày:**

Ngày 27/10/2016, UBND thành phố N đã ban hành Thông báo 826/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án C & S.

Công ty nhận thấy quá trình triển khai công tác thu hồi đất của dự án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện dự án, hộ ông Trần Văn N đang sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03 nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngoài phương án bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước, Công ty cổ phần V còn có chính sách hỗ trợ thêm đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án. Công ty đã công khai chính sách hỗ trợ tại văn bản số 90/2022/VB-Vega ngày 29/11/2022 và văn bản số 99/2022/VB-Vega ngày 23/12/2022 gửi đến hộ ông Trần Văn N. Công ty V2 sẽ không hỗ trợ đối với các thửa đất mà Nhà nước đã áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi.

Tại các buổi họp vận động nhận tiền và bàn giao mặt bằng, đại diện UBND phường V cùng các đơn vị liên quan đã vận động hộ dân sớm nhận tiền và bàn giao mặt bằng theo chính sách hỗ trợ của Công ty V2, nhưng hộ ông N vẫn

không đồng ý. Hiện tại, Công ty V2 không còn chính sách hỗ trợ đối với trường hợp của ông N.

Đối với yêu cầu của ông Trần Văn N khởi kiện các quyết định hành chính của UBND thành phố N về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Chủ tịch UBND thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án, Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 30 và Điều 32, Điều 116, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính; Điều 38 Luật Đất đai năm 2003; Điều 69, Điều 71, Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N về hủy các quyết định:

- Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N để thực hiện dự án C Resort & S, phường V, thành phố N;

- Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N;

- Quyết định 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03) để thực hiện dự án C & S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2023, người khởi kiện ông Trần Văn N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 1212/QĐ-UBND và 123/QĐ-UBND cùng ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N và Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố N.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 05/9/2023, người khởi kiện kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần V vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của BUND thành phố N và Chủ tịch UBND thành phố N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn N, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Đối với Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N đang sử dụng để thực hiện dự án C Resort & S, phường V, thành phố N:

- Về đối tượng thu hồi: ngày 16/4/2013, UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000389 cho Công ty cổ phần D1 để thực hiện dự án C & Spa với diện tích khoảng 46ha, mục đích đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp (đạt chuẩn 5 sao), thời hạn hoạt động: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Tại mục X khoản 2 Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ T3 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai quy định: “Dự án khu dân cư, trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP bao gồm:

2.1. Các dự án phát triển kinh tế trong khu đô thị hiện có gồm dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản, dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư, dự án xây dựng nhà ở công vụ, dự án xây dựng trung tâm thương mại, trung tâm H3; dự án xây dựng khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn từ hạng 3 sao trở lên”.

Như vậy, dự án C & S thuộc nhóm đối tượng Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Về trình tự, thủ tục và ranh giới thu hồi: Dự án C & Spa được UBND tỉnh K cấp chủ trương đầu tư trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành;

điểm a khoản 1 Điều 99 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01/7/2014 quy định: “1. Trường hợp đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, giới thiệu địa điểm hoặc thông báo thu hồi đất gửi đến từng người có đất thu hồi hoặc văn bản cho phép chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng chưa có quyết định thu hồi đất thì xử lý như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất hoặc chủ đầu tư nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, nếu phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;” và dự án C & Spa là dự án chuyển tiếp theo quy định viện dẫn trên.

Ngày 13/01/2014, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 833/QĐ-Ttg ngày 05/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc giao cho công ty Đ1 (Công ty 100% vốn nước ngoài) thuê đất để đầu tư xây dựng Khu N tại phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa” có nội dung thống nhất áp dụng hình thức thu hồi đất và cho phép Công ty cổ phần D1 tiếp tục thực hiện dự án.

Trên cơ sở Tờ trình số 7156/TTr-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh K, Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh K thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014; sau đó, UBND thành phố N đã cập nhật phân diện tích thu hồi vào Kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015 cho đến nay của thành phố N đồng thời được UBND tỉnh K phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố N là loại đất thương mại, dịch vụ tại Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 khi Nghị quyết được thông qua.

Ngày 24/02/2016, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 465/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu nghỉ dưỡng C & Spa.

Ngày 27/10/2016, UBND thành phố N có Thông báo số 826/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án, diện tích đất thu hồi Khu B (B1 + B2): 28,80ha.

Hộ ông Trần Văn N đang sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ trích đo số 03, có diện tích 109,8m² nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án C & S, phường V, thành phố N (Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH D thiết lập ngày 01/7/2017).

Như vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty Cổ phần D1 để thực hiện dự án CHAMPARAMA RESORT & SPA vào ngày 16/4/2013 (trước ngày 01/7/2014) nên Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Thông báo số 826/TB-UBND ngày 27/10/2016 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án C & Spa và Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 để thu hồi diện tích 109,8m² đất đối với hộ ông Trần Văn N là đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Đối với Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N:

- *Về thủ tục*: Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N; cùng ngày, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1236/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn N khi Nhà nước thu hồi đất là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

- *Về nội dung*:

+ *Bồi thường, hỗ trợ về đất*: theo Giấy xác nhận số 1951/XN-UBND ngày 10/11/2021 của UBND phường V thì thấy, hộ ông Trần Văn N sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, loại đất: Đất trồng cây lâu năm, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định, hộ ông N không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất nên không được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 mà chỉ được hỗ trợ về đất theo quy định.

Tổng diện tích đất hộ ông N bị thu hồi là $109,8\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc vị trí 5, do đó UBND thành phố N hỗ trợ về đất với giá $420.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 90\% \times 109,8\text{m}^2 = 41.504.400$ đồng là phù hợp quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh K ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K; đúng với quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng C, phường V, thành phố N.

+ *Bồi thường, hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc*: hộ ông Trần Văn N tạo dựng công trình, kiến trúc trước khi có Thông báo thu hồi đất nhưng không có giấy phép xây dựng nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 mà chỉ được xem xét hỗ trợ theo điểm 7 khoản 4 Điều 1 Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh K.

Tại Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường giải tỏa ngày 19/9/2017 thể hiện vật kiến trúc gắn liền với đất của hộ ông Trần Văn N, gồm: nhà tạm, cột kèo sắt, mái tôn, cửa sắt, nền xi măng, diện tích $18,6\text{m}^2$; hàng rào trụ bê tông cốt thép, lưới B40, cao 1,5m, dài 11,25m. Căn cứ quyết định của UBND tỉnh K về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất và chi phí bồi thường một số công trình trên đất, địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022, UBND thành phố N phê duyệt hỗ trợ vật kiến trúc trên đất đối với hộ ông N với tổng số tiền 23.314.695 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ *Bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất*: áp dụng Điều 13 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K về quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 21/9/2022, UBND thành phố N đã phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung đơn giá cây trồng của hộ ông

Trần Văn N số tiền 492.800 đồng (03 cây xoài ghép 1-3 năm, 01 cây dừa bung 1-3 năm) là đúng số lượng tại Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa, phù hợp với các quy định nêu trên.

+ *Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm*: do hộ ông Trần Văn N không trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không ăn ở sinh hoạt trên thửa đất bị thu hồi nên không đủ điều kiện hỗ trợ. Ủy ban nhân dân thành phố N căn cứ Điều 83 Luật Đất đai 2013, các Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không hỗ trợ khoản kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ ông N là đúng quy định.

+ *Về chính sách tái định cư*: hộ ông Trần Văn N bị thu hồi toàn bộ diện tích đất (đất trồng cây lâu năm), không được bồi thường về đất và hộ ông N không ăn ở, sinh hoạt tại vị trí giải tỏa. Do đó, hộ ông N không đủ điều kiện bố trí tái định cư là đúng với quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 23, 24 tại Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và khoản 5 Điều 1 tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh K.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03) tại Tổ A B, Đường Đ, phường V, thành phố N để thực hiện dự án C & S:

Do hộ ông Trần Văn N không chấp hành việc bàn giao mặt bằng đất đã bị thu hồi tại Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N nên Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông N là có căn cứ, đúng quy định.

[3]. Từ các nhận định, phân tích tại mục [2] nêu trên của bản án thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn N đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5]. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ Điều 38 Luật Đất đai năm 2003; Điều 69, Điều 71, Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn N2 về việc hủy các Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N để thực hiện dự án C Resort & S, phường V, thành phố N; Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N; Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn N (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03) để thực hiện dự án C & S.

3. Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003253 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Trần Văn N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Đức Kiên